

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NT
TỈNH KH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HSST
Ngày: 05/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT
TỈNH KH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà NGUYỄN THỊ HOA

2/ Ông TRẦN HUY LIÊN

- *Thư ký phiên tòa:* Ông ĐÀO MINH TUẤN - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố NT - tỉnh KH

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT - tỉnh KH tham gia phiên tòa:* Ông LÊ HOÀNG LONG - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 376/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ ĐOÀN VĂN H1 - Sinh năm 1994 tại KH

Nơi đăng ký HKTT: Thôn VD 2, xã VL, thành phố NT, tỉnh KH

Nơi ở: Như trên

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Đoàn Văn L - Sinh năm: 1957

Và bà: Nguyễn Thị X (đã chết)

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 17/12/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 5 năm tù về tội “Hiếp dâm”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/8/2017; có mặt tại phiên tòa.

2/ NGUYỄN VĂN H2 - Sinh năm 1990 tại KH

Tên gọi khác: Chó Tron

Nơi đăng ký HKTT: Thôn VT 1, xã VL, thành phố NT, tỉnh KH

Nơi ở: Như trên

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Không rõ

Và bà: Ngô Thị T – Sinh năm: 1958

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 03/5/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 2 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/5/2015.

Nhân thân: Ngày 06/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 4 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 4 năm tù theo bản án số 159/2017/HSPT ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh KH tại Trại giam A2 – DK – KH theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 180/2017/QĐ-CA ngày 05/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố NT; có mặt tại phiên tòa.

****Bị hại:***

Chị **NGUYỄN THỊ KIM H3** - Sinh năm: 1965

Trú tại: Thôn TD 2, xã VB, huyện VN, tỉnh KH

(Vắng mặt tại phiên tòa)

****Người làm chứng:***

1. Ông **NGUYỄN ĐỨC T**

Trú tại: Thôn NS, xã NA, huyện NH, tỉnh KH

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông **TÔ NGỌC X**

Trú tại: Tổ 3, LS, xã VL, thành phố NT, tỉnh KH

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 14/2/2017, Đoàn Văn H1 rủ Nguyễn Văn H2 đến ga LS, xã VL, NT, mục đích chờ trong thời gian tàu dừng ở ga có ai sơ hở thì cướp giật tài sản, H2 đồng ý. H1 và H2 đi bộ đến ga LS, trốn dưới bờ suối gần đường ray chờ tàu đến. Khoảng 20 giờ 20 phút, đoàn tàu SE22 chạy từ SG đến ga LS dừng lại để tránh tàu SE21, đến 20 giờ 29 phút tàu SE22 bắt đầu di chuyển rời khỏi ga LS. Lúc này, H1 phát hiện tại toa số 6 tàu SE22 có chị Nguyễn Thị Kim H3 đang ngồi cạnh cửa sổ, treo 1 giỏ xách gần cửa, H1 liền chạy đến phía ngoài cửa sổ toa tàu, dùng tay đẩy cửa sổ và giật chiếc giỏ xách. Sau đó, H1 chạy lại đưa cho H2 chiếc giỏ xách, cả hai xuống suối lục tìm tài sản, phát hiện trong giỏ xách có 1 kính đeo mắt màu đen, một số đồ trang điểm và số tiền 5.000.000 đồng. Đoàn Văn H1, Nguyễn Văn H2 lấy số tiền 5.000.000 đồng chia nhau tiêu xài, vứt giỏ xách và vật dụng còn lại tại bờ suối.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Văn H1, Nguyễn Văn H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 367/HĐĐG ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố NT kết luận: 01 giỏ xách màu xám trị giá: 50.000 đồng. Kính đeo mắt nữ màu đen không đủ thông tin để định giá.

Bản cáo trạng số 289/CT-VKS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT đã truy tố các bị cáo **Đoàn Văn H1** và **Nguyễn Văn H2** về tội “**Cướp giật tài sản**” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, khoản 1 điều 136 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn H1 và áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 50, điều 51, khoản 1 điều 136 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H2 để xử phạt mỗi bị cáo mức hình phạt từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù giam, đồng thời tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Văn H2 theo quy định chung của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 5.050.000 đồng.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố NT, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, người bị hại là chị Nguyễn Thị Kim H3 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H3.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT. Các bị cáo đều xác định: khi trên đường đi đến ga LS, bị cáo H1 là người rủ bị cáo H2 đi cướp giật tài sản. Bị cáo H2 đã đồng ý tiếp nhận ý chí của bị cáo H1, tuy bị cáo H2 không trực tiếp giật giỏ xách của chị H3 nhưng đã giúp sức cho bị cáo H1 chiếm đoạt giỏ xách của người bị hại và cùng nhau tiêu xài số tiền chiếm đoạt được. Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận rằng, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản là chiếc giỏ xách (có giá trị 50.000 đồng), bên trong có số tiền 5.000.000 đồng của người bị hại là chị Nguyễn Thị Kim H3. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi

hành Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội phạm và hình phạt còn được quy định tại khoản 1 điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là điều luật quy định hình phạt bằng nhau so với khoản 1 điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên cần xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 khi xử lý trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo Đoàn Văn H1 từng bị kết án về tội “Hiếp dâm” theo khoản 4 điều 111 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Văn H2 từng bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo đều chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại khoản 1 điều 49 của Bộ luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H2, cần tổng hợp hình phạt của bản án số 159/2017/HSPT ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

Xét vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Đoàn Văn H1 là người chủ động rủ rê bị cáo Nguyễn Văn H2 thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Kim H3, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn H2 đóng vai trò tích cực trong vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đoàn Văn H1, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của bị cáo Đoàn Văn H1 mới đảm bảo nguyên tắc xử lý tội phạm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hồ sơ vụ án, người bị hại là chị Nguyễn Thị Kim H3 xác định chưa được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Chị H3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời yêu cầu các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 phải bồi thường thiệt hại cho chị theo quy định của pháp luật. Các bị cáo H1 và H2 thừa nhận số tiền chiếm đoạt được của chị H3, hai bị cáo chia nhau mỗi bị cáo lấy 1.500.000 đồng và cùng nhau đi nhận hết số tiền 2.000.000 đồng còn lại. Như vậy, xét thấy yêu cầu của chị H3 là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim H3 số tiền 5.050.000 đồng; theo đó mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị H3 số tiền 2.525.000 đồng.

[5] Về án phí: Các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đoàn Văn H1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48, điều 50, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn H2;

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 phạm tội: “Cướp giết tài sản”.

Xử phạt bị cáo **ĐOÀN VĂN H1 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/8/2017.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN VĂN H2 2 (hai) năm tù**. Tổng hợp với hình phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 phải chấp hành tại bản án hình sự phúc thẩm số 159/2017/HSPT ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh KH là 4 năm tù; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **06 (sáu) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 584, điều 585, điều 586, điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim H3 số tiền 5.050.000 đồng (năm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng); theo đó mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị H3 số tiền 2.525.000 đồng (hai triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Đoàn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đoàn Văn H1, bị cáo Nguyễn Văn H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố NT.
- Công an thành phố NT.
- Chi cục THADS thành phố NT
- TAND tỉnh KH
- Sở Tư pháp tỉnh KH
- Bị cáo + Người TGTT
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

LÂM VƯƠNG MỸ LINH